

Bản án số: 126/2026/DS-PT
Ngày: 11- 8 -2026
*V/v “Tranh chấp tuyên bố di chúc
không hợp pháp; Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất vô
hiệu; chia tài sản chung và thừa kế tài
sản là quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hải Nam

Bà Lê Thị Mỹ Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:
Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026, về việc: *“Tranh chấp tuyên bố di chúc không hợp pháp; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; chia tài sản chung và thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2026/QĐ-PT ngày 15/7/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2026/QĐ-PT ngày 29/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T - sinh năm 1969; cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thu T1 – sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ: Số B đường N, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn N - sinh năm 1960; cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Tấn N:* Ông

Huỳnh Ngọc Á - Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ văn phòng: Số H đường H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Huỳnh Tấn N1 - sinh năm 1968; cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Tấn N1 (chồng của bà T, được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ tuyên bố bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 05/2021/QĐST-DS ngày 24/8/2021):* Bà Lê Thị T - sinh năm 1969; cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Tấn N1:* Ông Trần Việt N2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh S; địa chỉ trụ sở: Số F đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Anh Huỳnh Tấn Đ - sinh năm 1992; cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Huỳnh Tấn Đ:* Ông Nguyễn Tài D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh S; địa chỉ trụ sở: Số F đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Ông Huỳnh Văn Q - sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1978; cùng cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Bà Huỳnh Thị S - sinh năm 1948; cư trú tại thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

6/ Ông Huỳnh Tấn S1 - sinh năm 1962; cư trú tại số nhà F đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng.

7/ Ủy ban nhân dân phường T (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh C – Chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị T là nguyên đơn và ông Huỳnh Tấn N là bị đơn trong vụ án.

(Tại phiên tòa bà Lê Thị T, bà Phan Thị Thu T1, ông Huỳnh Tấn N, ông Huỳnh Ngọc Á, ông Trần Việt N2, ông Nguyễn Tài D, ông Huỳnh Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn S1 có mặt; anh Huỳnh Tấn Đ vắng mặt; đại diện Ủy ban nhân dân phường T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 17/10/2020, đơn sửa đổi, bổ sung khởi kiện ngày 11/11/2020, đơn trình bày ngày 13/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/01/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 20/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/3/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị T do người đại diện theo ủy quyền của là bà Phan Thị Thu T1 trình bày:*

Thửa đất 754, tờ bản đồ 09, phường P, thị xã Đ (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 754) được Nhà nước cấp cho hộ gia đình của cụ Huỳnh Tấn S2 gồm 05 người: Cụ Huỳnh Tấn S2, cụ Trương Thị S3 (cha mẹ của ông Huỳnh Tấn N1), ông Huỳnh Tấn N1 (chồng bà T), bà Lê Thị T và anh Huỳnh Tấn Đ (con ông N1 bà T) theo Nghị định 64/CP vào năm 1998, sau khi cụ S2 qua đời, ông Huỳnh Tấn N làm giả di chúc về việc được cụ S2 tặng cho toàn bộ thửa 754 cho ông N, sau đó ông N làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Huỳnh Văn Q. Việc ông N chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho ông Q làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên gia đình bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố di chúc chứng thực ngày 02/6/2005 vô hiệu.
- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Văn Q được UBND xã P (nay là phường T) chứng thực ngày 01/6/2005 vô hiệu.
- Yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ ông Huỳnh Tấn S2 và cụ bà Trương Thị S3 tại thửa 754 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất.
- Chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất 754 cho hộ ông Huỳnh Tấn S2 gồm: Cụ Huỳnh Tấn S2, cụ Trương Thị S3, ông Huỳnh Tấn N1, bà Lê Thị T và anh Huỳnh Tấn Đ.

Bà T yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật và thanh toán lại phần giá trị cho các đồng thừa kế khác. Riêng ông N không được hưởng di sản vì ông N làm giả di chúc nhằm chiếm đoạt di sản cho riêng mình đây là hành vi vi phạm điểm d, khoản 1 Điều 621 Bộ luật dân sự 2015. Về tài sản trên đất nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 27/4/2022, đơn yêu cầu phản tố ngày 08/11/2021, đơn yêu cầu phản tố (sửa đổi bổ sung) ngày 02/12/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Tấn N do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Huỳnh Ngọc Á trình bày:*

Thửa 754 là tài sản của cha mẹ ông là cụ Huỳnh Tấn S2 và cụ Trương Thị S3. Năm 1999, cụ S2 đã làm di chúc tặng cho ông toàn bộ thửa đất trên có hai người làm chứng, nên di chúc đó là đúng. Trường hợp theo pháp luật mà bản di chúc đó sai thì ông cũng đồng ý chia thừa kế, ông yêu cầu Tòa án chia và giao

cho ông toàn bộ phần di sản của cụ S3 (là $\frac{1}{2}$ thửa 754 tương đương 599m², trong đó, có 100m² đất ở và 499,5m² đất trồng cây hàng năm khác) để ông thực hiện nghĩa vụ thay cụ S3 với ông Q (vì ông bán thửa đất trên là để lo thuốc thang cho mẹ ông khi đau ốm cho đến khi qua đời)

Trong quá trình giải quyết vụ án ông N có đơn phản tố yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S2 và cụ S3 để lại gồm các thửa đất số 80, 218, 91, 611, Tòa án đã thụ lý giải quyết. Ngày 02/4/2024 ông N có đơn rút yêu cầu phản tố về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 80, 218, 91, 611.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 31/3/2022, biên bản lấy lời khai được sự các ngày 14/01/2021, ngày 15/4/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và các lời khai tại Tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Ông Huỳnh Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà T, vì ông Q, bà H đã nhận chuyển nhượng mảnh vườn đó từ năm 2005 đến nay đã 20 năm sử dụng ổn định. Sau khi mua vợ chồng ông đã sửa chữa, xây dựng nhà sống ổn định đến nay, việc ông, bà nhận chuyển nhượng thửa 754 và sinh sống ở đó thì anh, chị, em của ông N ai cũng biết nhưng không ai có ý kiến hay phát sinh tranh chấp gì. Nay ông, bà yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Huỳnh Tấn N được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã P chứng thực ngày 01/6/2005 là hợp pháp. Trường hợp Tòa án có căn cứ tuyên hợp đồng vô hiệu thì ông N có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông Q theo Chứng thư thẩm định giá ngày 29/4/2022 vì ông N là người có lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường T) trình bày:*

Cụ Huỳnh Tấn S2 chết tháng 12/1999 nhưng bản di chúc được chứng thực vào ngày 02/6/2005 đã nêu: “Cụ S2 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định” là không đúng theo quy định của pháp luật, không thể hiện ý chí của người lập di chúc.

Về phần diện tích tăng 78,8m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 754, tờ bản đồ số 09, phường P (nay là phường T). Qua xem xét lại thực địa ngày 25/02/2025 có sự chứng kiến của bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị Thu H đã xác định phần diện tích 78,8m² tăng nằm ở phía T của thửa đất 754 phần diện tích đất trên thuộc thửa đất 753 (đất ao) do chính quyền địa phương đang quản lý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị S: Thống nhất chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật.*

** Tại các văn bản trình bày ý kiến ngày 29/01/2024, các tài liệu có tại hồ*

sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Tấn S1 và người đại diện theo ủy quyền của ông S1 là ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Tại Bản di chúc của cụ Huỳnh Tấn S2 được UBND xã P (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi) chứng thực có người làm chứng là ông Huỳnh Tấn N1 (là con trai của cụ Huỳnh Tấn S2). Căn cứ khoản 1 Điều 657 Bộ luật dân sự năm 1995, thì việc ông Huỳnh Tấn N1 ký vào di chúc với tư cách là người làm chứng là sai quy định pháp luật bởi vì ông N1 là người thừa kế theo Pháp luật của người lập di chúc cụ Huỳnh Tấn S2.

Mặt khác, tại Điều 660 Bộ luật dân sự năm 1995 có quy định, người lập di chúc có thể yêu cầu công chứng Nhà nước chứng nhận hoặc UBND xã, phường, thị trấn chứng thực bản di chúc và theo Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 quy định về công chứng, chứng thực tại khoản 1 Điều 50 có quy định "*Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu việc công chứng, chứng thực di chúc; không công chứng, chứng thực di chúc thông qua người khác*". Như vậy, căn cứ theo quy định trên thì bản di chúc mà Ông Huỳnh Tấn S2 để lại được UBND xã ký chứng thực ngày 02/6/2005 là vô hiệu.

Việc di chúc của cụ Huỳnh Tấn S2 vô hiệu nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Văn Q được UBND xã P chứng thực ngày 01/6/2005 cũng vô hiệu.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu tuyên bố bản di chúc của cụ Huỳnh Tấn S2 là vô hiệu; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Văn Q là vô hiệu; chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Tấn S2 và cụ Trương Thị S3 theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần mà ông S1 được hưởng ông S1 không có nhu cầu nhận hiện vật nên đề nghị được nhận bằng tiền tương ứng với kỷ phần tương ứng theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Tấn N1 do người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Tấn N3 là ông Trần Việt N2 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 754, tờ bản đồ số 09, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi) có diện tích 1.199 m² (200m² đất ở; 999m² đất vườn) được UBND huyện Đ cấp cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 vào năm 1998 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03276/QSĐĐ/152/QĐUB (H) ngày 19/5/1998 với 05 nhân khẩu gồm: Huỳnh Tấn S2, Trương Thị S3, Huỳnh Tấn N1, Lê Thị T, Huỳnh Tấn Đ. Cụ Huỳnh Tấn S2 chết năm 2000; cụ Trương Thị S3 chết năm 2007.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị T) về việc yêu cầu tuyên bố di chúc chứng thực ngày 02/6/2005 vô hiệu: Bản di chúc do cụ Huỳnh Tấn S2 lập được chứng thực vào ngày 02/6/2005 là di chúc bằng văn bản có người làm chứng. Điều 659 Bộ luật dân sự 1995 quy định: *“Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 656 và Điều 657 của Bộ luật này.”* Điều 657 Bộ luật dân sự 1995 quy định: *“Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây:*

1. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc;
2. Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc;
3. Người chưa đủ mười tám tuổi, người không có năng lực hành vi dân sự”.

Đối chiếu theo quy định tại Điều 657 thì việc ông Huỳnh Tấn N1 ký vào di chúc với tư cách là người làm chứng là không đúng quy định pháp luật.

Theo quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự 1995: *“Người lập di chúc có thể yêu cầu Công chứng nhà nước chứng nhận hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực bản di chúc”*. Tuy nhiên, ông S2 chết vào năm 2000 nhưng đến năm 2005 bản di chúc mới được chứng thực tại UBND xã P, huyện Đ (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi).

Ngoài ra, nguồn gốc thửa đất số 754, tờ bản đồ số 09, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi) có diện tích 1.199m² (200m² đất ở; 999 m² đất vườn) cấp cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 vào năm 1998 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03276/QSDD/152/QĐUB (H) ngày 19/5/1998. Tuy nhiên, ông Huỳnh Tấn N tự ý định đoạt toàn bộ diện tích thửa đất nêu trên là không đúng quy định pháp luật.

+ Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Văn Q có xác nhận của UBND xã P ngày 01/6/2005 vô hiệu: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 754, tờ bản đồ số 09 thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình cụ Huỳnh Tấn S2. Ngày 02/6/2005, UBND xã P mới chứng thực bản di chúc do cụ S2 lập giao toàn bộ thửa đất cho ông Huỳnh Tấn N nhưng di chúc này vô hiệu. Tuy nhiên, ngày 01/6/2005, ông Huỳnh Tấn N đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 754, tờ bản đồ số 09 cho ông Huỳnh Văn Q là không đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình đối với thửa đất số 745, tờ bản đồ số 09, xã P (nay là phường T) tỉnh Quảng Ngãi: Năm 1998, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 đối

với thửa đất số 754, tờ bản đồ 09, diện tích 1.199m² (200m² đất ở; 999m² đất vườn) gồm 05 nhân khẩu: Huỳnh Tấn S2, Trương Thị S3, Huỳnh Tấn N1, Lê Thị T và Huỳnh Tấn Đ. Cụ thể, mỗi thành viên hộ gia đình sẽ được nhận phần diện tích 239,9m² (trong đó có 40m² đất ở và 199,8m² đất vườn).

+ Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh Tấn S2 và cụ Trương Thị S3 đối với thửa đất số 754, tờ bản đồ số 09: Ông Huỳnh Tấn S2 (chết năm 2000); bà Trương Thị S3 (chết 2007). Trước khi chết, cụ S2 và cụ S3 đều không để lại di chúc hợp pháp. Đối chiếu theo quy định tại Điều 675 Bộ luật dân sự 2005 thì di sản của cụ S2, cụ S3 sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự 2005 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ S2, cụ S3 gồm: Bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn N, ông Huỳnh Tấn S1 và ông Huỳnh Tấn N1. Di sản do cụ S2 và cụ S để lại là một phần thửa đất số 754, tờ bản đồ số 09 với diện tích 479,6m² (80m² đất ở và 399m² đất vườn). Như vậy, mỗi đồng thừa kế của cụ S2, cụ S sẽ được nhận phần di sản thừa kế với diện tích đất 119,9m² (20m² đất ở và 99,9m² đất vườn). Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Tấn Đ do người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Tài D trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.*

** Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

1. Tuyên bố Di chúc của cụ Huỳnh Tấn S2 được UBND xã P, huyện Đ (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực ngày 02/6/2005 là vô hiệu.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Văn Q được UBND xã P (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực ngày 01/6/2005 là vô hiệu.

3. Giao cho ông Huỳnh Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu H được quyền tiếp tục sở hữu, quản lý, sử dụng thửa đất 754, tờ bản đồ 09, xã P (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi, có diện tích 1.199m² (trong đó, có 200m² đất ở; 999m² đất vườn).

(Phần đất được giao có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không tách rời của bản án).

4. Buộc ông Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần tài sản chung cho ông Huỳnh Tấn N1, bà Lê Thị T và anh Huỳnh Tấn Đ mỗi người được chia là 37.362.600đồng *(Ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng).*

5. Buộc ông Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần di sản thừa kế cho bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn S1 và ông Huỳnh Tấn N1 mỗi người được chia là 88.181.300 đồng (*Tám mươi tám triệu một trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng*)

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Tấn N về việc chia và giao cho ông toàn bộ phần di sản của mẹ ông là cụ S ($\frac{1}{2}$ thửa đất 754 tương đương 599m²; trong đó, có 100m² đất ở và 499,5m² đất trồng cây hàng năm khác) để ông thực hiện nghĩa vụ thay mẹ ông với ông Q.

7. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Huỳnh Tấn N làm giả di chúc nên không được hưởng di sản thừa kế theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 621 Bộ luật dân sự 2015.

8. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Tấn N về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 80, 218, 91, 611 P (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi.

9. Về tài sản gắn liền với đất: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 25/9/2025, bà Lê Thị T có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và trả hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại cho đúng về tố tụng và nội dung vụ án.

* Ngày 28/9/2025, ông Huỳnh Tấn N có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 754, tờ bản đồ số 9, phường T, tỉnh Quảng Ngãi; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cha, mẹ đề ngày 02/6/2025 là vô hiệu; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Huỳnh Tấn Đ: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Tấn N: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Tấn N1: Ông N1 không kháng cáo đồng ý đối với bản án bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Huỳnh Tấn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 13/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên. Ngày 25/9/2025 và 28/9/2025, nguyên đơn là bà Lê Thị T và bị đơn là ông Huỳnh Tấn N có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét.

[2] Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Các bên đương sự đều thừa nhận cụ Huỳnh Tấn S2 (chết năm 2000) và cụ Trương Thị S3 (chết 2007) có 06 người con chung gồm các ông, bà: Huỳnh Thị S, Huỳnh Tấn N, Huỳnh Tấn S1, Huỳnh Thị N4 (chết lúc nhỏ, chưa có chồng, con), Huỳnh Tấn N1 và Huỳnh Tấn C1 (chết lúc nhỏ, chưa có vợ, con). Ngoài ra, cụ S2 và cụ S không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng. Theo quy định tại Điều 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ S2 và cụ S là bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn N, ông Huỳnh Tấn S1 và ông Huỳnh Tấn N1.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

[2.2.1] Thừa đất số 754, tờ bản đồ số 09, phường P, thị xã Đ (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.199m² (trong đó có 200m² đất ở; 999m² đất vườn (viết tắt là thửa 754) được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 03276/QSDĐ/152/QĐUB (H) cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 vào ngày 19/5/1998 có nguồn gốc là do ông, bà nhiều đời lưu hạ lại cho cụ S2 và cụ S.

[2.2.2] Ngày 19/11/1997, cụ Huỳnh Tấn S2 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất cho hộ với tổng diện tích 4.750m² (400m² đất ở, 2.787m² đất sản xuất và 2.563m² đất vườn), trong đó có thửa 754 (Bút lục số 318). UBND xã P xác nhận Hội đồng xét cấp đủ diện tích 05 thửa là 4.750m² (Bút lục số 355 - 361). Năm 1994 khi lập hồ sơ cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP thì hộ của cụ S2 có 05 nhân khẩu gồm: Cụ S2, cụ S, ông N1, bà T và anh Đ. Như vậy, có cơ sở

xác định nguồn gốc thửa 754 (trong đó 200m² đất ở; 999m² đất vườn) là do cụ Huỳnh Tấn S2 đứng tên kê khai đăng ký. Năm 1998, UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ thửa 754 cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2.

Theo Nghị định 64/CP chỉ quy định về cân đối đất vườn, đất ruộng mà không cân đối đất ở, có cơ sở xác định 200m² đất ở thuộc thửa 754 không được cân đối theo Nghị định 64/CP mà là đất do ông, bà lưu hạ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích 999m² thuộc thửa 754 được cấp theo ND 64/CP cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 là tài sản chung của hộ của S2; phần diện tích đất ở 200m² thuộc thửa 754 không được cân đối theo ND 64/CP nên được xem là tài sản chung của vợ chồng cụ S2 và phần diện tích 399,6m² đất vườn (999m² :5) là di sản của cụ S2 và cụ S là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Xét tính hợp pháp của Di chúc đề ngày 15/7/Kỷ Mão được UBND xã P chứng thực vào ngày 02/6/2005 (viết tắt là Di chúc):

Di chúc đề ngày 15/7/Kỷ Mão được UBND xã P chứng thực vào ngày 02/6/2005 (viết tắt là Di chúc) là di chúc bằng văn bản có người làm chứng. Ông Huỳnh Tấn N1 là con ruột và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ S nhưng lại ký và viết tại di chúc với tư cách là người làm chứng. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 657 Bộ luật dân sự 1995 thì việc ông N1 ký vào di chúc với tư cách là người làm chứng là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 quy định về công chứng, chứng thực có nội dung *“Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu việc công chứng, chứng thực di chúc; không công chứng, chứng thực thông qua người khác”*; cụ Huỳnh Tấn S2 chết năm 2000 nhưng đến ngày 02/6/2005 thì Di chúc mới được UBND xã P, huyện Đ (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi) chứng thực là không đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, nguồn gốc thửa 754 được UBND huyện Đ cấp cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 vào ngày 19/5/1998. Đây là tài sản chung của hộ gia đình cụ S2 nhưng ông Huỳnh Tấn N không được sự đồng ý hợp pháp của các thành viên trong hộ tự ý định đoạt toàn bộ thửa đất nêu trên là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Di chúc nêu trên vô hiệu là chưa chính xác. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự 2005, Hội đồng xét xử xác định Di chúc đề ngày 15/7/Kỷ Mão được UBND xã P chứng thực vào ngày 02/6/2005 không hợp pháp.

[4] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu tuyên bố di chúc được UBND xã P chứng thực ngày 02/6/2005 là vô hiệu do bị giả mạo; yêu cầu ông Huỳnh Tấn N không được quyền hưởng thừa kế do giả mạo di chúc: Cụ Huỳnh Tấn S2 (chết năm 2000), cụ Trương Thị S3 (chết 2007) chết đều không để lại di chúc hợp pháp. Do đó, di

sản của cụ S2, cụ S3 là 200m² đất ở và 399,6m² đất vườn thuộc thửa 754 được chia thừa kế theo quy pháp luật. Theo quy định tại Điều 675 Bộ luật dân sự 2005 xác định bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn N, ông Huỳnh Tấn S1 và ông Huỳnh Tấn N1 là những người thừa kế hợp pháp thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ S2, cụ S. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà T không có tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào để chứng minh Di chúc của cụ S2 là do ông Huỳnh Tấn N làm giả mạo và ông N không thừa nhận việc làm giả mạo di chúc vì ông cho rằng cụ S đã đưa Di chúc để ông thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ông N làm giả di chúc nên không được hưởng di sản thừa kế theo điểm d, khoản 1 Điều 621 Bộ luật dân sự 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

[4.2] Đối với yêu cầu không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chia phần còn lại sau khi trừ diện tích 78,8m² đất vườn thuộc thửa 754 rồi mới tiến hành chia theo yêu cầu là sai nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản chung của hộ gia đình bà và ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của tất cả các đồng thừa kế khác:

[4.2.1] Theo Sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty Cổ phần Đ1 – Chi nhánh Q1 (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3) thực hiện thì thửa 754 có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.277,8m², so với diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ thì tăng 78,8m².

[4.2.2] Ngày 19/4/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc với UBND thị xã Đ (bút lục 392 - 393) về việc đề nghị UBND thị xã Đ cung cấp thông tin, tài liệu trong đó có nội dung về nguyên nhân, vị trí diện tích thửa 151 giảm 90,8m². Tại biên bản làm việc làm việc, đại diện UBND thị xã Đ xác định như sau: *“Phần diện tích đất 78,8m² tăng của thửa đất số 754, tờ bản đồ số 9 phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là phần diện tích của thửa đất số 753, tờ bản đồ số 09 phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ quản lý và Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ đề nghị trả lại phần diện tích đất trên cho UBND phường P theo quy định”*.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích biến động tăng là 78,8m² thuộc quyền quản lý của UBND phường P (nay là UBND phường T) và trừ phần diện tích này trước khi tiến hành chia tài sản chung và chia thừa kế đối với thửa 754 là có hoàn toàn căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.3] Đối với yêu cầu không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm không trút quyền thừa kế của ông N mà chia thừa kế: Theo phần nhận định tại mục [2.3], ông N là người thừa kế theo pháp luật của cụ S2 và cụ S. Mặc dù, Di chúc được tuyên không hợp pháp nhưng nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ hợp pháp

để chứng minh ông N giả mạo di chúc. Việc truất quyền thừa kế của ông N là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia vụ án. Do đó, kháng cáo của bà T đối với yêu cầu này là không có cơ sở.

[4.4] Đối với yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý nhận giá trị:

[4.4.1] Ông Huỳnh Văn Q nhận chuyển nhượng đất từ năm 2005 và quản lý, sử dụng thửa 754 đến nay, ông Q và bà H sử dụng ổn định, lâu dài và đã xây dựng công trình, nhà ở kiên cố, tiến hành cải tạo nhiều lần (đổ đất, nâng nền...). Tại thời điểm ông Q nhận chuyển nhượng và quản lý, sử dụng đến nay không ai có ý kiến hay phát sinh tranh chấp gì. Do đó, có căn cứ xác định ông Q đã sử dụng thửa đất trên liên tục, ổn định trong thời gian dài mà không có tranh chấp.

[4.4.2] Nguyên đơn có mong muốn nhận kỷ phần bằng hiện vật là toàn bộ thửa 754 và đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, điều này đồng nghĩa với việc phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên thửa 754. Xét thấy, hiện tại ông Q và bà H đã làm nhà ở kiên cố sử dụng trong nhiều năm, hiện trạng không còn lối đi nào vào phần đất trống, việc tháo dỡ sẽ dẫn đến hậu quả là Bản án có hiệu lực không thi hành án được và điều này sẽ gây thiệt hại lớn cho đương sự ông Q, bà H. Hơn nữa đây là nơi ở duy nhất của ông Q và bà H; trong khi đó nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều đã có chỗ ở ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Tấn N có nguyện vọng được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ thửa 754 để thực hiện giao dịch dân sự với ông Q và đồng ý thanh toán phần giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của các bên là chính đáng, tránh việc tháo dỡ tài sản khi thi hành án và để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự cần giao quyền sử dụng đất thửa 754 cho vợ chồng ông Q tiếp tục quản lý, sử dụng.

[5] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Tấn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Theo nhận định tại mục [2.3] về tính hợp pháp của Di chúc, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Di chúc đề ngày 15/7/Kỷ Mão được UBND xã P chứng thực vào ngày 02/6/2005 không hợp pháp là có căn cứ. Hơn nữa, tại mục [2.2] đã nhận định nguồn gốc của thửa 754 gồm: Phần diện tích 999m² thuộc thửa 754 được cấp theo ND 64/CP cho hộ cụ Huỳnh Tấn S2 là tài sản chung của hộ của S2; phần diện tích đất ở 200m² thuộc thửa 754 không được cân đối theo ND 64/CP và phần diện tích 399,6m² đất vườn (999m² :5) là di sản của cụ S2 và cụ S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên Di chúc vô hiệu và chia thừa kế theo pháp luật thửa 754 là đảm bảo đúng quy định và quyền, lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế.

[5.2] Bị đơn là ông Huỳnh Tấn N yêu cầu Tòa án chia và giao cho ông toàn

bộ phần di sản của mẹ ông là cụ S đối với $\frac{1}{2}$ thửa 754 (tương đương 599m², trong đó, có 100m² đất ở và 499,5m² đất trồng cây hàng năm khác) để ông thực hiện nghĩa vụ thay mẹ ông với ông Q (vì ông chuyển nhượng thửa đất trên là để lo thuốc thang cho mẹ ông khi đau ốm đến khi qua đời). Như phân tích ở mục [2.3] thì Di chúc không hợp pháp; hơn nữa toàn bộ thửa 754 không phải là di sản của cụ S2, cụ S để lại mà có phần đất cân đối theo nghị định 64/CP cho hộ cụ S2 (gồm 5 nhân khẩu). Ông trình bày ông có công chăm sóc mẹ khi đau ốm, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ. Mặt khác, các đồng thừa kế khác đều thừa nhận khi cụ S đau ốm thì tất cả các con đều cùng có công chăm sóc đến khi cụ S chết nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Tấn N là phù hợp.

[6] Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự đều thuộc diện miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, đã có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và ông N. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi, và bà T thuộc diện hộ nghèo; ông N và bà T đều có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông N và bà T.

Xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm đã đầy đủ, không cần thiết phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị T, bị đơn là ông Huỳnh Tấn N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, 122, 129, 131, 133, 164, 166, 407, 413, 500, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 631, 633, 634, 635, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 659, 674, 675, 676, 685, 688, 689, 691, 692 Bộ luật dân sự 2005; Điều 71, 106 Luật Đất đai 2003; Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ; Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị T, bị đơn là ông Huỳnh Tấn N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

1. Tuyên bố Di chúc của cụ Huỳnh Tấn S2 được UBND xã P, huyện Đ (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực ngày 02/6/2005 không hợp pháp.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Văn Q được UBND xã P (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực ngày 01/6/2005 vô hiệu.

3. Giao cho ông Huỳnh Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu H được quyền tiếp tục sở hữu, quản lý, sử dụng thửa đất số 754, diện tích 1.199m² (trong đó, có 200m² đất ở; 999m² đất vườn), tờ bản đồ 09, xã P (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần đất được giao có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không tách rời của bản án).

4. Buộc ông Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần tài sản chung cho ông Huỳnh Tấn N1, bà Lê Thị T và anh Huỳnh Tấn Đ mỗi người được chia là 37.362.600 đồng *(Ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng)*.

5. Buộc ông Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần di sản thừa kế cho bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn S1 và ông Huỳnh Tấn N1 mỗi người được chia là 88.181.300 đồng *(Tám mươi tám triệu một trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng)*

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Huỳnh Tấn N về việc yêu cầu chia và giao cho ông toàn bộ phần di sản của mẹ ông là cụ Trương Thị S3 đối với ½ thửa đất 754 tương đương 599m²; trong đó, có 100m² đất ở và 499,5m² đất trồng cây hàng năm khác) để ông thực hiện nghĩa vụ thay mẹ ông với ông Q.

7. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Huỳnh Tấn N làm giả di chúc nên không được hưởng di sản thừa kế theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 621 Bộ luật dân sự 2015.

8 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Tấn N về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất số 80, 218, 91, 611, xã P, huyện Đ (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi.

9. Về tài sản gắn liền với đất: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

10. Về chi phí tố tụng:

10.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Ông Huỳnh Tấn N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đối với các thửa đất số 80, 218, 91, 611, xã P, huyện Đ (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*), ông N đã nộp và chi phí xong.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc đối với thửa đất số 754, diện tích 1.199m² (trong đó, có 200m² đất ở; 999m² đất vườn), tờ bản đồ 09, xã P (nay là phường T), tỉnh Quảng Ngãi là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*). Bà Lê Thị T, ông Huỳnh Tấn N1 và anh Huỳnh Tấn Đ phải chịu 3.877.737 đồng (tương đương phần tài sản được chia có tổng giá trị là 200.271.100 đồng); bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Tấn S1 mỗi người phải chịu 1.707.421 đồng (tương đương phần tài sản mỗi người được chia có giá trị là 88.181.300 đồng). Bà Lê Thị T đã nộp và chi phí xong nên bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn N và ông Huỳnh Tấn S1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 1.707.421 đồng (*Một triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm hai mươi mốt đồng*).

10.2. Về chi phí định giá: Ông Huỳnh Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu chi phí thẩm định giá là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*); ông Q, bà H đã nộp và chi phí xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo phần quyết định của bản án này tại Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

11. Về án phí:

11.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T, ông Huỳnh Tấn N1, bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Tấn N, ông Huỳnh Tấn S1 và anh Huỳnh Tấn Đ đều thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

11.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Tấn N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang

Phạm Hải Nam

Hoàng Thị Mai Hạnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND KV6-Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

